

Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong dưới triều vua Tự Đức (1847-1883)

Vũ Thị Nga*

TÓM TẮT

Thời gian cầm quyền của vua Tự Đức (1847-1883) gắn với một trong những thời kỳ biến động nhất của lịch sử dân tộc. Vừa phải dẹp yên các cuộc nổi dậy trong nước, triều đình vua Tự Đức còn phải tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong bối cảnh đó, sức mạnh của quân đội có ý nghĩa quyết định đối với ổn định đất nước và độc lập dân tộc. Việc xây dựng và duy trì đội quân vững mạnh khi chiến đấu cùng với ban hành và thực thi những chính sách thời hậu chiến trong đó có chế độ trợ cấp cho võ quan và binh lính trận thương, trận vong ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống vật chất và tinh thần của những binh lính không may mắn trong chiến tranh.

Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong dưới triều vua Tự Đức được thực thi trong hai bối cảnh khác biệt: trước và trong khi đất nước có chiến tranh. Để động viên tinh thần võ quan và binh lính không may mắn khi tham gia chiến trận, chế độ có sự điều chỉnh đáng kể đặc biệt sau năm 1858, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ. Chế độ không chỉ bổ sung đối tượng nhận trợ cấp mà về định mức trợ cấp cũng được tăng lên so với giai đoạn trước. Bên cạnh những binh lính trực tiếp tham gia chiến trận, thân nhân của họ (cha mẹ, vợ con) cũng được nhà nước ban cấp tiền bạc, đặc biệt là những võ quan có công trạng lớn trong kháng chiến chống Pháp.

Từ khoá: Tự Đức, trợ cấp, trận thương, trận vong

MỞ ĐẦU

Năm 1802, triều Nguyễn được thành lập sau thắng lợi quân sự trước Tây Sơn. Lần lượt các vua từ Gia Long (1802-1820), Minh Mệnh (1820-1841), Thiệu Trị (1841-1847) đã thực thi nhiều biện pháp nhằm xây dựng và củng cố vương quyền. Tuy nhiên, mâu thuẫn giai cấp sâu sắc trong xã hội là nguyên nhân trực tiếp làm bùng nổ các cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ kéo dài, liên tục của nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số ở khắp các vùng trong cả nước chống lại triều đình. Năm 1847, vua Tự Đức lên ngôi. Sau một thập kỷ cầm quyền, năm 1858, Đại Nam bị thực dân Pháp xâm lược. Bối cảnh lịch sử nêu trên cho thấy vai trò của quân đội triều Nguyễn trong việc thiết lập vương triều, ổn định nội trị và bảo vệ chủ quyền dân tộc. Nhận thấy tầm quan trọng đó, các vua triều Nguyễn đã ban hành nhiều chính sách đối với võ quan và binh lính trong đó có trợ cấp cho binh lính trận thương, trận vong.

Khác với các vua đầu triều, nhiệm vụ của quân đội dưới triều vua Tự Đức không chỉ dẹp yên các cuộc nổi dậy mà còn phải kháng chiến chống ngoại xâm. Trong bối cảnh đó, chế độ trợ cấp của triều đình vua Tự Đức đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong như thế nào, có những thay đổi gì so với các vua triều

trước? Bài viết hướng tới làm rõ chế độ trợ cấp của triều đình vua Tự Đức đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong; những ưu cấp của triều đình cho các đối tượng này so với các triều vua trước cũng như sự khác nhau của chế độ trợ cấp trong hai giai đoạn trước và sau năm 1858; từ đó cung cấp một cái nhìn khách quan hơn khi đánh giá về quân đội triều Nguyễn nói chung, chính sách của triều Nguyễn trong xây dựng quân đội nói riêng, nhất là trong bối cảnh Đại Nam bị thất bại trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

NỘI DUNG CHÍNH

Bối cảnh lịch sử, nhiệm vụ và tổ chức quân đội của triều Nguyễn dưới triều vua Tự Đức (1847-1883)

Kế tục vua Thiệu Trị, năm 1847, vua Tự Đức lên ngôi. Trong 37 năm cầm quyền (1847-1883), vua Tự Đức phải chống đỡ với những khó khăn cực kỳ to lớn, đáng kể nhất là những cuộc nổi dậy chống đối triều đình của các lực lượng trong nước và cuộc tấn công xâm lược của thực dân Pháp.

Trước và trong khi Pháp xâm lược, các cuộc nổi dậy chống triều đình vẫn liên tiếp nổ ra. Theo ghi chép của sử triều Nguyễn, từ năm 1847 đến 1862, có 40

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Vũ Thị Nga, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: vuthinga@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 19-10-2023
- Ngày sửa đổi: 22-5-2024
- Ngày chấp nhận: 12-9-2024
- Ngày đăng: 30-9-2024

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i3.954>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Nga V.T. Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong dưới triều vua Tự Đức (1847-1883). *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; 8(3):2501-2510.

cuộc nổi dậy. Bên cạnh việc đối diện với các cuộc khởi nghĩa của nông dân và đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi như các triều vua trước, ở giai đoạn này triều Nguyễn còn phải dẹp yên các khởi nghĩa của binh lính. Trong số đó phải kể tới cuộc khởi nghĩa Lê Duy Phụng, sự cướp phá của tàn quân Thái Bình Thiên Quốc ở miền thượng du mà tiêu biểu là khởi nghĩa Tam Đường ở Thái Nguyên, khởi nghĩa Ngô Côn ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên. Triều đình vua Tự Đức phải huy động một lực lượng quân lớn đánh dẹp để giữ vững nội trị.

Từ tháng 9 năm 1858, triều Nguyễn phải tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Sau khi đánh Đà Nẵng, Pháp lần lượt mở rộng đánh chiếm các địa điểm quan trọng trên lãnh thổ nước Đại Nam: Gia Định, các tỉnh Nam Kỳ, Bắc Kỳ và sau đó là kinh đô Huế. Đây là một thế lực ngoại xâm chưa từng có trong tiền lệ, với phương tiện chiến tranh hiện đại, cách đánh khác biệt. Để chống đỡ lại hỏa lực, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Pháp, triều Nguyễn đã điều động một lực lượng quân binh lớn tham gia chiến trận.

Hệ quả để lại là thương vong cho võ quan và binh lính tham trận. Do vậy, việc ban hành và thực thi chế độ trợ cấp cho võ quan và binh lính trận thương, trận vong là vấn đề thiết thực hậu chiến của triều đình vua Tự Đức, không chỉ có ý nghĩa vật chất mà còn có giá trị tinh thần đối với những người trực tiếp tham chiến và cả thân nhân của họ.

Về tổ chức, quân đội dưới triều vua Tự Đức cơ bản vẫn duy trì hệ thống võ quan, phiên chế và ngạch binh đã thiết lập dưới các triều vua trước, đặc biệt là triều vua Minh Mệnh.

Tổ chức quân đội trung ương bao gồm 5 cấp theo thứ tự: Doanh, Vệ, Đội, Thập, Ngũ. Chỉ huy các đơn vị quân Trung ương gồm các võ quan hàm từ Chánh nhị phẩm đến Tông ngũ phẩm, riêng 2 cấp Thập và Ngũ chỉ huy các đơn vị quân này chưa được xếp vào ngạch võ quan. Cụ thể như Bảng 1.

Quân đội các địa phương được tổ chức thành 5 cấp tương đương với quân ở kinh thành gồm: Liên cơ, Cơ, Đội, Thập, Ngũ. Trong đó Liên cơ chỉ có ở những tỉnh lớn. Cấp Vệ tương đương với cấp Cơ ở kinh thành được tổ chức ở các tỉnh vừa và nhỏ. Võ quan chỉ huy các địa phương gồm: Đề đốc (đứng đầu một Liên cơ), Lãnh binh (đứng đầu một Cơ/ Vệ), Cai đội (đứng đầu một Đội), Suất thập (đứng đầu một Thập), Ngũ trưởng (đứng đầu một Ngũ).

Phẩm trật của võ quan ở trung ương và địa phương có sự chênh lệch trong cùng một hàm (chức vụ). Theo đó, cấp Doanh ở kinh đô, võ quan chỉ huy phẩm trật là Chánh nhị phẩm, trong khi đó cấp tương đương là Liên cơ ở địa phương thấp hơn 2 bậc là Chánh tam

phẩm, ở cấp thứ 2 (Vệ/ Cơ) và cấp thứ 3 (Đội) võ quan chỉ huy ở địa phương kém ở trung ương 1 bậc. Điều đó cho thấy triều đình coi trọng vai trò của võ quan cũng như lực lượng quân của nhà nước ở kinh thành. Đây chính là lực lượng tin cậy nhất của nhà vua trong việc xây dựng, củng cố và phát triển vương triều.

Về số lượng quân lính, quân đội dưới triều Tự Đức cũng bao gồm vệ binh (quân thường trực đóng ở kinh thành) và cơ binh (quân đóng giữ ở các phủ huyện). Ngoài ra, dưới thời Tự Đức còn đặt thêm ngạch Hương dũng, Dân dũng và các Thổ dũng ở các xã huyện miền núi [2, tr. 471]. Theo thống kê từ *Đại Nam nhất thống chí*³, dân số cả nước ta đầu thời Tự Đức có 878.077 dân đinh. Dựa vào phép tuyển lính giữa các vùng, số quân lính thường trực lúc đó là 177.588 người⁴. Số binh lính thời gian cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, theo *Đại Nam thực lục*, năm 1881, lực lượng binh các hạng do triều đình quản lí là hơn 16.600 người [4; tr.454]. Còn theo tướng Pháp de Courcy, năm 1885 (sau khi thất bại trong cuộc chiến chống Pháp 1 năm), quân đội chính quy của triều Nguyễn có khoảng 70.000 người, trong đó 12.000 là lính tuyển mộ từ vùng quanh kinh thành Huế [5; tr. 133]. Các số liệu trên cho thấy tổng số quân lính dưới triều Tự Đức giảm đôi chút so với các triều vua trước^{6,7b} song vẫn là con số đáng kể so với dân đinh lúc đó (chiếm khoảng 20%). Đây là lực lượng quan trọng quyết định đến kết quả của mỗi trận chiến, đặc biệt trong bối cảnh kháng chiến chống ngoại xâm.

Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương

Đối với võ quan, trước năm 1858, chế độ trợ cấp của triều đình vua Tự Đức đối với võ quan trận thương duy trì định chế đã được ban hành dưới thời vua Minh Mệnh. Ngoài việc được chăm sóc bởi các sinh y trong các sở Dưỡng tế được đặt trong kinh thành và các địa phương, họ còn được triều đình trợ cấp thêm tiền bạc. Võ quan bị thương khi làm nhiệm vụ được triều đình trợ cấp tiền với định mức khác nhau dựa trên chức vụ

³Năm Gia Long thứ nhất (1802), triều Nguyễn ban hành quy định tuyển lính: Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Sơn Nam (thượng, hạ), Thanh Hóa ngoại (Ninh Bình) 7 suất đinh lấy 1 suất lính. 6 ngoại trấn (Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Yên Quảng) 10 suất đinh lấy 1 suất lính. Khu vực miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận 3 suất đinh lấy 1 suất lính. Đối với thành Gia Định, triều Nguyễn quy định: dân hạng tráng 8 người lấy 1 lính; biệt nạp như đồn điền, các trại 3 người lấy 1 lính. Sau cải cách hành chính của vua Minh Mệnh, chế độ tuyển lính áp dụng cho các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ vẫn giữ nguyên tỉ lệ lấy quân thời vua Gia Long. Riêng các tỉnh Nam kỳ có điều chỉnh về tỉ lệ. Từ năm 1834, tỉnh Hà Tiên, An Giang bắt đầu thực hiện quy chế cứ 5 suất đinh tuyển 1 suất lính. Sau đó, tỉ lệ này áp dụng đối với tất cả các tỉnh Nam Kỳ.

^bNăm 1820: 204.220 quân; năm 1840: 212.290 quân [6; tr. 519]; năm 1841: 212.250 quân [7; tr. 512].

Bảng 1: Tổ chức một Doanh và phẩm hàm của võ quan trong quân đội triều Nguyễn (Nguồn [1], tr. 18, 23-24])

Đơn vị quân	Người chỉ huy	Phẩm trật	Số lượng
Doanh	Đô thống	Chánh nhị phẩm	1
Vệ	Vệ úy	Chánh tam phẩm	1
Đội	Cai đội	Tòng ngũ phẩm	1
Thập	Suất thập		1
Ngũ	Ngũ trưởng		1

trong quân ngũ, trong đó quy định: Vệ úy được cấp 70 quan; Phó vệ úy, Quản cơ 50 quan; Phó quản cơ, Cai cơ 30 quan; Suất đội 20 quan; Suất thập 10 quan [8; tr. 573] ^c.

Võ quan phẩm hàm thấp bị trận thương khi đi đánh trận ở Nam Kỳ trợ cấp dựa theo chức vụ và mức độ nặng nhẹ của thương tật, cao nhất là 10 quan thấp nhất là 3 quan. Cụ thể: Suất đội, bị thương nhẹ được trợ cấp tiền 5 quan, bị thương nặng 10 quan. Đội trưởng, bị thương nhẹ trợ cấp tiền 3 quan, bị thương nặng 6 quan ^d [9; tr. 642-643].

Ngoài ra, triều đình còn thực hiện ban cấp cho võ quan thuộc các cơ hương dũng (quân đội ở địa phương) tham gia chiến trận bị thương với định mức trợ cấp thấp hơn võ quan ở kinh đô 1 bậc. Trong đó, Ngoại úy Chánh phó Suất cơ ở địa phương bằng định mức với Suất đội ở kinh thành (bị thương nhẹ được trợ cấp 5 quan tiền, bị thương nặng 10 quan tiền); Ngoại úy Chánh phó Suất đội ở địa phương được triều đình trợ cấp bằng với mức của Đội trưởng ở kinh thành (bị thương nhẹ được trợ cấp 3 quan tiền, bị thương nặng thì 6 quan tiền) [1; tr. 576].

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, chế độ trợ cấp cho võ quan trận thương của vua Tự Đức dựa trên mức độ của thương tật, trong đó đặc biệt ưu cấp đối với võ quan trận thương khi tham gia đánh Pháp. Đối tượng được nhận trợ cấp bao gồm cả người bị thương và người dưỡng thương.

Đối với võ quan trận thương, năm Tự Đức thứ 12 (1859), triều đình quy định quan viên bị trọng thương được cấp 10 quan tiền, quan viên bị thương nhẹ cấp 6 quan.

Đối với võ quan trận thương khi đánh Pháp, năm Tự Đức thứ 19 (1866), triều Nguyễn ban cấp cho võ quan dựa trên chức quan và mức độ của thương tật như giai đoạn trước, tuy nhiên định mức trợ cấp cao hơn.

Trường hợp bị thương nặng: “Chánh, Phó đề đốc được cấp 20 quan tiền; Chánh, Phó lãnh binh được 18 quan; Đốc binh được 16 quan; Suất đội được 12 quan; Đội trưởng được 10 quan”.

Trường hợp bị thương nhẹ: “Chánh, Phó đề đốc được cấp 18 quan; Chánh, Phó lãnh binh được cấp 16 quan; Đốc binh được 14 quan; Suất đội được 10 quan và Đội trưởng được 8 quan” [10; tr. 82].

Trong thời gian điều trị, võ quan còn được triều đình trợ cấp tiền để dưỡng thương. Chế độ này được thực thi từ năm Tự Đức thứ 24 (1871) đối với 2 trường hợp: dưỡng thương tại nơi làm nhiệm vụ và dưỡng thương ở quê nhà.

Với trường hợp ở lại quân ngũ để điều dưỡng, triều đình ban cấp tiền tùy theo mức độ nặng nhẹ và chức vụ của võ quan. Cụ thể, người bị thương nặng: Chánh, Phó lãnh binh được cấp tiền 20 quan, Đốc binh được cấp 15 quan; Quản cơ 10 quan; Suất đội 8 quan; người bị thương nhẹ: Chánh, Phó lãnh binh được cấp 15 quan; Đốc binh 10 quan; Quản cơ 6 quan; Suất đội 5 quan.

Trường hợp về quê điều dưỡng, triều đình dựa trên phẩm trật và mức độ của thương tật để ban cấp. Định mức cụ thể như sau: “Người nào bị thương nặng thành tật trở về: Chánh Tổng tam phẩm, cấp 50 quan; Chánh Tổng tứ phẩm cấp 40 quan; người nào bị thương nhẹ trở về: Chánh Tổng tam phẩm 40 quan; Chánh Tổng tứ phẩm 35 quan; Chánh Tổng ngũ phẩm 25 quan; Chánh Tổng lục phẩm 20 quan; Chánh Tổng thất phẩm 15 quan” [11; tr. 1290].

Tuy vậy, trong một số trường hợp, võ quan bị thương nhận được số tiền trợ cấp cao hơn định mức triều đình ban hành: ví dụ, tháng 3 năm Tự Đức thứ 34 (1881), triều đình cấp cho Phó đề đốc quân thứ Hưng Hoá là Hoàng Tuyên bị thương khi dẹp giặc 100 quan tiền (định mức là 20 quan).

Đối với binh lính, chế độ trợ cấp trận thương của triều đình vua Tự Đức trước năm 1866 dựa trên định lệ ban cấp dưới triều Minh Mệnh. Binh lính kinh thành bị trận thương, nhà nước ban cấp với 3 trường hợp: đi đánh dẹp các cuộc nổi dậy của nông dân^e, đi dẹp các cuộc khởi nghĩa ở của đồng bào dân tộc thiểu số và đánh dẹp ở Nam kỳ. Định mức trợ cấp là 5 quan. Riêng những người lính đi đánh dẹp các cuộc nổi dậy của nông dân, nhà nước quy định: lính 5 quan.

^cChế định này được thực thi từ năm Minh Mệnh thứ 8 (1827).

^dChế định này được thực thi từ năm Minh Mệnh thứ 14 (1833).

^eChế định này được ban hành năm Minh Mệnh thứ 8 (1827).

Binh lính bị thương đi đánh giặc ở Nam Kỳ: bị thương nhẹ 2 quan, bị thương nặng 5 quan^f.

Ngoài ra, binh lính trong các cơ hương dưng khi tham gia chiến trận bị thương cũng nhận được chế độ trợ cấp của triều đình, dựa trên định mức của quân lính trong kinh, nhưng thấp hơn, bằng với thủ hạ (3 quan)^g [12; tr. 601].

Từ năm Tự Đức thứ 19 (1866), binh lính trận thương được triều đình ban cấp tùy theo mức độ bị thương nặng hay nhẹ. Trong đó, nặng được trợ cấp 5 quan; nhẹ được 3 quan. Với định mức này, binh lính bị thương nặng vẫn được trợ cấp như giai đoạn trước nhưng bị thương nhẹ được trợ cấp tăng lên 1 quan.

Chế độ trợ cấp với võ quan và binh lính trận vong

goài chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận vong trong khi làm nhiệm vụ, triều đình vua Tự Đức còn thực thi nhiều chính sách trợ cấp đối với thân nhân của họ. Đối tượng bao gồm: bố mẹ, vợ con.

Đối với võ quan

Một số chế độ trợ cấp cho võ quan dưới triều Tự Đức đặt thành định lệ như tặng phẩm hàm và cấp tuất, một số ban cấp dựa trên những trường hợp cụ thể, không thành quy định như tế lễ, thờ phụng hoặc xây đền thờ.

Trước hết, võ quan trận vong được triều đình truy tặng phẩm hàm (gồm phẩm trật và chức vụ). Đây chính là cơ sở cho việc thực hiện chế độ trợ cấp đặc biệt là việc cấp tuất. Việc truy tặng hàm (chức vụ) được thi hành từ năm Gia Long thứ 2 (1803), và quy định này duy trì dưới triều vua Minh Mệnh và áp dụng đối với trường hợp võ quan trận vong trước năm 1864 dưới triều vua Tự Đức. Hàm của võ quan trận vong được truy tặng sau khi chết trận như sau: Quân cơ trở lên ban thưởng riêng theo chỉ của vua, quyền Quân cơ truy tặng Cẩm binh Chánh đội, quyền Phó quân cơ truy tặng Tinh binh Chánh đội, quyền Suất đội truy tặng Cẩm binh Đội trưởng.

Đến năm Tự Đức thứ 11 (1858), triều Nguyễn ban hành định lệ về chế độ tặng phẩm trật cho võ quan trận vong khi đánh Pháp (Tây dương), cụ thể: Chánh tứ phẩm được tặng Tông tam phẩm; Tông tứ phẩm, Chánh ngũ phẩm được tặng 1 trật, Tông ngũ phẩm được tặng 1 trật, Chánh, Tông lục phẩm được tặng 2 trật, Chánh, Tông thất phẩm được tặng 3 trật, Đội trưởng cấp bằng được tặng Tông lục phẩm và Chánh thất phẩm [10; tr. 67].

Năm Tự Đức thứ 17 (1864), triều đình quy định lại chế độ tặng phẩm trật cho tất cả võ quan trận vong.

^fChế định này được ban hành năm Minh Mệnh thứ 14 (1833).

^gĐịnh chế này được ban hành năm Minh Mệnh thứ 16 (1835).

Trong đó quy định: võ quan trận vong có thực hàm và chưa có thực hàm đều được tăng thêm một trật và được cấp tuất theo phẩm trật mới. Sự thống nhất này tạo ra sự đồng đều và công bằng trong cấp tuất đối với võ quan nhất là đối với võ quan phẩm hàm thấp trong phiên chế ở địa phương.

Năm Tự Đức thứ 27 (1874), triều Nguyễn đặt định lệ truy tặng phẩm hàm và cấp tiền tuất cho những người đi đánh giặc Thanh, các cuộc nổi dậy của nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số và võ quan trận vong khi đánh giặc trên biển. Dựa trên tinh thần dưng cảm và tài trí cũng như tinh thần quyết tâm đánh giặc, việc trợ cấp cho võ quan được chia thành 3 trường hợp: võ quan mạnh mẽ xông pha chiến trận mà thủ thắng rồi chết trận; võ quan mạo hiểm xông pha, khinh suất nhưng thủ thắng rồi chết; và võ quan khinh suất xông pha gây bất lợi rồi chết. Với mỗi trường hợp tùy theo phẩm hàm và nhiệm vụ được giao, triều đình có định mức ban cấp khác nhau. Cao nhất là những võ quan thực hàm khi tham gia chiến trận mạnh mẽ xông pha thủ thắng rồi chết trận. Họ được tăng thêm 2 phẩm trật và tăng gấp đôi tiền tuất. Thấp nhất là võ quan do khinh suất gây bất lợi rồi chết trận chỉ được tăng 1 trật và lĩnh tiền tuất được lĩnh theo phẩm hàm mới được thăng thụ. Riêng đối với những võ quan mạo hiểm xông pha, khinh suất nhưng thủ thắng rồi chết trận mà chưa có phẩm hàm, nhà nước quy định: “Là Quân đoàn thì tặng Tông bát phẩm Bá hộ, là Suất đoàn thì tặng Chánh cửu phẩm Bá hộ” [10; tr. 75].

Cũng trong năm Tự Đức thứ 27 (1874), triều đình ban hành quy định về phẩm trật cho quan viên (bao gồm cả võ quan) bị cách chức nhưng vẫn tham gia chiến trận bị trận vong. Dựa trên phẩm trật trước khi chết, phẩm trật được truy tặng thấp hơn 1 hoặc 2 bậc dựa trên tinh thần chiến đấu và kết quả của trận đánh. Trong đó quy định như ở Bảng 2.

Chế độ quan trọng nhất đối với võ quan và binh lính trận vong là chế độ cấp tuất. Việc cấp tuất dựa trên chức vụ và việc thăng thụ phẩm hàm được thực hiện trước đó.

Chế độ cấp tuất cho võ quan của triều Tự Đức nằm trong chế độ cấp tuất chung của triều đình đối với quan viên (cả văn quan và võ quan). Chế độ cấp tuất được vua Gia Long ban hành đầu tiên năm Gia Long thứ 4 (1806) điều chỉnh vào năm Gia Long thứ 8 (1810). Chế độ này được duy trì dưới thời vua Minh Mệnh và giai đoạn đầu của triều vua Tự Đức. Năm Tự Đức thứ 18 (1865), triều Nguyễn thống nhất định mức cấp tuất cho quan văn - võ (trong đó có cả võ quan trận vong) dựa trên phẩm hàm, đồng thời góp chung chế độ cấp tuất và cấp áo bào khi võ quan chết làm một. Trong đó, mức ban cấp được phân biệt giữa người được và không được cấp áo triều bào. Chế độ

Bảng 2: Chế độ truy tặng phẩm hàm cho võ quan bị cách chức trận vong ban hành năm Tự Đức thứ 27 (1874) (Nguồn [10; tr. 76])

STT	Phẩm trật trước khi chết	Phẩm trật được truy tặng	
		Mạnh mẽ xông pha trận mạc đánh thắng giặc	Mạo hiểm xông pha mà khinh suất gây bất lợi
1	Chánh, Tông tam phẩm	Chánh ngũ phẩm	Tông lục phẩm
2	Chánh, Tông tứ phẩm	Tông ngũ phẩm	Chánh thất phẩm
3	Chánh, Tông ngũ phẩm	Chánh lục phẩm	Chánh bát phẩm
4	Chánh, Tông lục phẩm	Chánh thất phẩm	Tông bát phẩm
5	Chánh, Tông thất phẩm	Chánh bát phẩm	Chánh cửu phẩm
6	Chánh, Tông bát phẩm	Tông cửu phẩm	Chánh cửu phẩm

cấp tước cho võ quan được triều đình vua Tự Đức tiếp tục điều chỉnh, trong đó định mức tiền cấp tước cho võ quan được tăng lên vào năm Tự Đức thứ 29 (1876). So với chế độ cấp tước của vua Gia Long, định mức cấp tước cho võ quan tăng lên đáng kể. Trong đó, so với võ quan nhất phẩm định mức ban cấp năm Tự Đức thứ 29 (1876) tăng hơn gấp 2 lần so với năm Gia Long thứ 8 (1810), cũng trong 2 năm này định mức của Tông tứ phẩm tăng hơn 7 lần. Cụ thể như Hình 1.

Sau năm 1858, vua Tự Đức ban hành nhiều chính sách nhằm trợ cấp thêm cho võ quan trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp. Một năm sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra (1859), triều đình đã ban hành chế độ cấp tước bằng bạc đối với võ quan trận vong ở Quảng Nam, Gia Định và đặc biệt là những võ quan chống Pháp trên mặt trận Đà Nẵng. Đối tượng ban cấp bao gồm cả võ quan chết tại chiến trường và võ quan bị thương rồi chết (không bao gồm Chương vệ trở lên do được hưởng đặc ân riêng theo từng cá nhân của triều đình) như quy định ở Bảng 3. Năm Tự Đức thứ 13 (1860), triều Nguyễn tăng định mức cấp tước cho võ quan trận vong. Trong đó quy định, những người thực hàm sẽ chiếu theo hàm được tặng mà cấp tước gấp đôi; nếu võ quan trận vong chỉ là hàm thí, thụ, sung, lãnh (những chức quan chưa thực sự được bổ dụng vào chức vụ nắm giữ) được tặng thêm 2 trật thì cấp tước theo hàm được tặng [10, tr. 68-69].

Đối với võ quan đi đánh giặc Thanh và các cuộc khởi nghĩa của đồng bào thiểu số, triều đình quy định: “Quan binh đánh trận hy sinh được tặng 1 trật, chuẩn cho chiếu theo lệ mới cấp tiền tước gấp đôi; hạng được gia tặng 2, 3 trật, chiếu theo hàm được tặng cấp tiền tước” [10, tr. 69].

Đối với võ quan bị cách chức nhưng vẫn tham gia chiến trận bị trận vong, dựa trên phẩm trật được phong tặng, năm Tự Đức thứ 27 (1874), triều đình

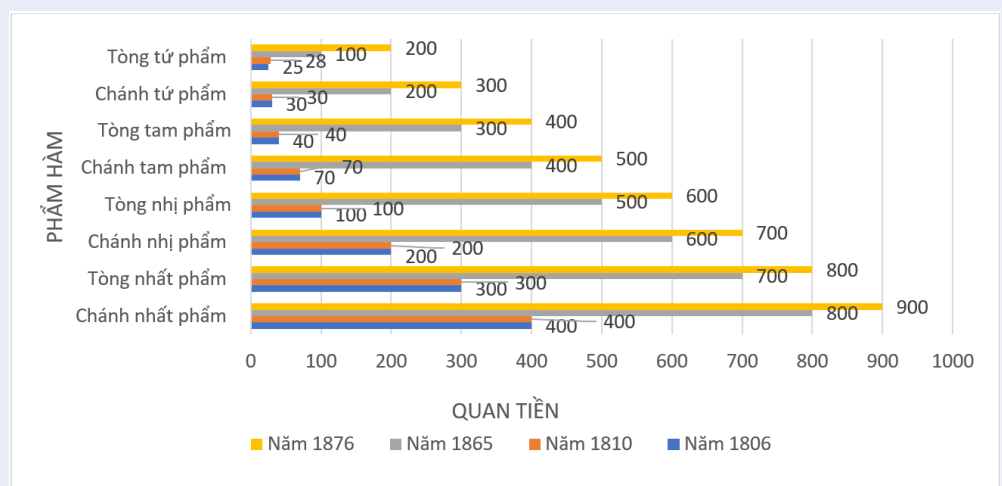
ban cấp với định mức: Chánh tông tam phẩm đến Chánh tông thất phẩm theo hàm truy tặng mà cấp tiền tước gấp đôi. Chánh tông bát phẩm được truy tặng Chánh cửu phẩm, theo hàm được tặng mà cấp tước; Chánh tông cửu phẩm nếu mạnh mẽ xông pha đánh giặc thì được nhận tiền tước theo nguyên hàm [10, tr. 76].

Số tiền, bạc cấp tước cho võ quan sẽ được chia thành 2 phần, cấp cho mai táng và cấp cho thân nhân: “Trước hết hãy trích cấp tiền tước cho họ một nửa cùng với vài vóc để chi cho việc mai táng. Còn một nửa cũng nên cấp thêm tiền, tu lấy ở kho mà cấp cho gia đình họ sinh sống”¹⁶.

Ngoài cấp tước, võ quan trận vong được triều đình cấp tiền vải, triều bào để thờ. Vào năm Tự Đức thứ 15 (1862), triều Nguyễn ban hành định lệ cho quan võ tử tam phẩm trở lên đi đánh giặc dù bị chết trận, hay chết bệnh (không kể có công lao hay không) đều truy cấp cho áo chầu để thờ [10, tr. 67].

Bên cạnh cấp tước, võ quan trận vong còn được triều đình cấp ruộng, lập bia vô công và lập đền thờ. Chế độ này không ban thành định lệ dưới thời Tự Đức, tuy nhiên, những võ quan có công trạng, đặc biệt là người có công lao trong kháng chiến chống Pháp, nhận được sự ưu cấp của triều đình, điển hình là trường hợp của Lãnh binh Trương Định. Sách *Đại Nam thực lục* chép: năm Tự Đức thứ 34 (1881), triều đình vua Tự Đức làm đền thờ viên Lãnh binh An Giang là Trương Định, trước đã cấp cho 5 mẫu ruộng thờ cúng, đến nay lại sai làm đền ở xã Tư Cung, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, triều đình vua Tự Đức còn thực hiện tế lễ cho vong linh võ quan và binh lính trận vong ở trong kinh thành. Trước khi Pháp xâm lược triều đình, vua Tự Đức đã tổ chức một số lần tế lễ cho võ quan và binh lính trận vong khi đánh trận ở Quảng Nam vào năm Tự Đức thứ 5 (1852). Sau khi kháng chiến chống Pháp nổ ra, việc tổ chức tế lễ cho võ quan binh lính diễn ra



Hình 1: Định mức tiền tuất cho võ quan từ Tông tứ phẩm trở lên hành dưới triều Gia Long và Tự Đức (được mang áo triều bào)^a (Nguồn ¹¹[¹³; tr. 676-677], [¹⁴; tr.5 86], [¹⁵; tr. 199-201])

^aĐối với võ quan theo lệ không được đem theo áo triều bào, Chánh tam phẩm được cấp 100 quan, Tông tam phẩm 80 quan, Chánh tứ phẩm 60 quan, Tông tứ phẩm 40 quan, Chánh ngũ phẩm 35 quan, Tông ngũ phẩm 32 quan, Chánh lục phẩm 30 quan, Tông lục phẩm 25 quan, Chánh thất phẩm 22 quan, Tông thất phẩm 20 quan, Chánh bát phẩm 18 quan, Tông bát phẩm 15 quan, Chánh cử phẩm 12 quan, Tông cử phẩm 10 quan [11; tr. 953].

Bảng 3: Định mức cấp tuất cho võ quan đánh Pháp năm Tự Đức thứ 12 (1859) (Nguồn [¹¹; tr. 607])

Cấp bậc được ban tặng sau khi tử trận	Bạc được cấp (lạng)
Cấm binh vệ úy, Lãnh binh các tỉnh	20
Phó vệ úy, Vệ úy các quân, Phó lãnh binh	18
Phó vệ úy các quân, Quản cơ	15
Phó quản cơ, Hòng thủ úy	12
Cấm y cai đội, Cấm y hiệu úy	10
Tinh binh cai đội, Cấm binh suất đội	8
Tinh binh suất đội	6

thường xuyên hơn. Năm Tự Đức thứ 12 (1859) và năm Tự Đức thứ 14 (1861), triều đình tổ chức tế lễ cho quân sĩ trận vong ở Quảng Nam; năm Tự Đức thứ 14 (1861), triều Nguyễn tổ chức tế lễ cho binh sĩ trận vong ở Gia Định. Đặc biệt năm Tự Đức thứ 15 (1862), triều đình tế các tướng sĩ chết trận, chết bệnh ở các chiến trường chống Pháp trong một tuần.

Đối với binh lính

Dưới triều vua Tự Đức, trước năm Tự Đức thứ 27 (1874), việc trợ cấp cho binh lính kinh thành đi làm nhiệm vụ trận vong được thực thi theo chế độ đã được ban hành dưới triều vua Minh Mệnh (được ban hành năm Minh Mệnh thứ 8 (1827)), trong đó binh lính được cấp 10 quan, dân phu thủ hạ 5 quan [¹; tr. 573-574].

Từ năm Tự Đức thứ 27 (1874), binh lính trận vong được cấp tiền 8 quan và nửa tấm vải. Những trường hợp trận vong không xác định được tên tuổi, thân nhân sẽ được cấp bổ sung sau khi xác minh thông tin từ các viên quan quản lý các vệ như trường hợp 32 binh lính chết trận năm Tự Đức thứ 22 (1869) được ghi lại trong tài liệu Châu bản triều Nguyễn¹⁷. Những binh lính thất lạc lâu ngày, sau khi kiểm tra ở quê quán và quân ngũ đều không thấy trở về, cũng được hưởng chế độ như người chết trận. Châu bản triều Nguyễn cho biết năm Tự Đức thứ 24 (1871) đã tặng tuất, ấm nhiều cho 206 người lính ở Hải Dương đi làm nhiệm vụ 3, 4 năm, và có trường hợp 10 năm chưa thấy trở về¹⁸.

Binh lính trận vong cũng được triều đình vua Tự Đức tổ chức tế lễ. Năm Tự Đức thứ 8 (1855), triều đình tế

lễ cho quan binh chết trận vì bão ở bờ biển gồm Suất đội Tuân hải ở Quảng Yên và 13 biển binh chết đuối do bão đánh chìm. Năm Tự Đức thứ 10 (1857), triều đình cấp tước gấp đôi và sai tế một tuần cho 41 biển binh tinh Biên Hoà chết do gặp bão trên đường chở hàng hóa về kinh.

Đối với thân nhân của võ quan và binh lính

Dưới thời Tự Đức, thân nhân võ quan gồm cha mẹ, vợ con được hưởng chế độ đãi ngộ của triều đình khi có người thân không may mắn khi ra trận.

Đối với cha mẹ võ quan, năm Tự Đức thứ 4 (1851), triều đình thực hiện cấp tiền gạo cho cha mẹ võ quan từ Suất đội trở lên trận vong khi đánh dẹp trên biển. Không phụ thuộc vào tuổi của cha mẹ và phẩm cấp của võ quan, triều Nguyễn thống nhất cấp cho cha mẹ quan viên 3 quan tiền, 3 phương gạo, vải, lụa mỗi thứ 1 tấm.

Năm Tự Đức thứ 13 (1860), triều đình cấp tiền gạo cho thân nhân các tướng sĩ chết trận ở Quảng Nam - Gia Định. Trong đó quy định: “Nhị phẩm cấp cho 20 quan tiền, 8 phương gạo; tam phẩm cấp 15 quan tiền, 5 phương gạo; tứ phẩm cấp 10 quan tiền, 4 phương gạo; ngũ phẩm cấp 8 quan tiền, 3 phương gạo; lục phẩm trở xuống theo thứ tự mà giảm dần đi” [11; tr. 686].

Năm Tự Đức thứ 18 (1865), triều đình ban hành định lệ, võ quân trận vong nếu còn cha mẹ thì cấp cho mỗi người 1 quan tiền và 1 phương gạo [14; tr. 196].

Đối với cha mẹ binh sĩ, năm Tự Đức thứ 34 (1881), triều đình cấp dưỡng cho cha mẹ binh lính từ 60 tuổi trở lên, và con trai, con gái tuổi từ 15 trở xuống.

Đối với vợ của võ quan trận vong, triều Nguyễn không ban hành thành định lệ trợ cấp chung trong cả nước. Việc ban cấp này được thực hiện đối với một số trường hợp cụ thể. Năm Tự Đức thứ 4 (1851), triều đình cấp tiền gạo cho vợ võ quan từ suất đội trở lên chết khi đánh dẹp và đi đường biển với mức: tam phẩm trở lên cấp cho 3 quan tiền, 2 phương gạo; từ tứ phẩm đến thất phẩm, cấp cho 2 quan tiền, 1 phương gạo (không áp dụng với vợ con người nào hiện còn mà không đến nỗi có đơn khổ sở, đã có lương bổng, người can án bị tội) [11; tr. 209].

Đối với vợ của những võ quan có công lao đặc biệt, triều Nguyễn có chế độ đãi ngộ riêng. Trường hợp điển hình là vợ của Lãnh binh Trương Định. Sách *Đại Nam thực lục* ghi lại: năm Tự Đức thứ 27 (1874), triều đình cấp tiền, gạo cho vợ nguyên Lãnh binh An Giang Trương Định. Khi Pháp đánh chiếm các tỉnh ở Nam Kỳ, Trương Định mộ quân chống trả, sau thua. Ông cùng con trai bị giặc giết. Vợ là bà Lê Thị Thường không chỗ nương nhờ, “chuẩn cho quan tỉnh

cấp dưỡng cho đủ, (tiền 20 quan, gạo 2 phương) đến nay lại chuẩn cho sau khi chết cấp cho 100 quan tiền” [4; tr. 283].

Đối với con của võ quan, triều đình vua Tự Đức ban hành những chế độ ưu đãi về thuế khóa, đi lính, ẩm thụ.

Về chế độ ẩm thụ, đây là chế độ nhà nước cho phép người con trai được thừa hưởng công trạng và phẩm hàm của cha để được ra làm quan. Thông thường, chế độ này áp dụng đối với người con trai trưởng của võ quan nhưng vì lý do nào đó như người con trai trưởng bị can án, tạt nguyên hoặc đã đỗ đạt ra làm quan thì quyền ẩm thụ sẽ áp dụng đối với người con trai thứ. Tuy nhiên chỉ có con võ quan ở phẩm trật cao mới được hưởng lệ ẩm thụ. Chế độ này bắt đầu thực hiện từ thời vua Gia Long năm 1803.

Dưới triều vua Tự Đức, năm Tự Đức thứ 11 (1858), triều đình ban hành quy định tặng ẩm thụ cho quan viên tham gia kháng chiến chống Pháp. Trong đó quy định: “Chánh tứ phẩm được ẩm thụ cho 1 người con hoặc em hoặc cháu là Tông thất phẩm Thiên hộ; Tông tứ phẩm, Chánh ngũ phẩm một người con hoặc em hoặc cháu là Bát phẩm Bá hộ; Chánh, Tông thất phẩm ẩm thụ cho 1 người con hoặc em hoặc cháu là Tông cửu phẩm Bá hộ; Đội trưởng cấp bằng được miễn cho 1 người con hoặc em hoặc cháu binh điều suốt đời” [10; tr. 67].

Năm Tự Đức thứ 18 (1865), triều đình quy định võ quan từ Tông nhị phẩm trở lên khi chết, mỗi người được một người con khai ẩm thụ. Cùng năm này, triều Nguyễn có lệ bổ sung, cho phép võ quan từ ngũ phẩm trở lên chết trận hay có công lớn, võ quan tam phẩm tuy không có công lớn cũng có một người con được ẩm thụ. Việc bổ dụng phẩm hàm của ẩm thụ con quan còn tùy thuộc vào năng lực của họ hoặc công trạng của người cha (cụ thể trong Bảng 4). Ví dụ, cha là Chánh nhất phẩm có công trạng thì con được ẩm thụ Chánh lục phẩm hàm Chủ sự, cha là Chánh nhất phẩm nhưng không có công trạng thì con chỉ được Tông lục phẩm hàm Tu soạn. Độ tuổi áp dụng chế độ ẩm thụ được quy định năm Tự Đức thứ 24 (1874) là 20, sau khi chứng tỏ được năng lực thì năm 25 tuổi mới được bổ dụng ra làm quan.

Con võ quan chết trận còn được nhà nước cấp tiền gạo hàng tháng. Chế độ này được ban hành năm Tự Đức thứ 18 (1865) nằm trong chế độ chung cho con của quan viên văn võ. Vua Tự Đức quy định, nếu con của quan văn - võ dưới 15 tuổi không có người nuôi dạy, hằng tháng cấp 5 tiền và nửa phương gạo, trên 16 tuổi đã đủ trưởng thành nên không cấp dưỡng [15; tr. 196].

Đối với con của binh lính trận vong, một người con của họ được triều đình miễn binh dịch và thuế thân

Bảng 4: Chế độ ẩm thụ ban hành năm Tự Đức thứ 18 (1865) (Nguồn [19; tr. 26])

Phẩm trật của cha (có công trạng) - phẩm trật và hàm ẩm thụ của con		Phẩm trật của cha (không có công trạng) - phẩm trật và hàm ẩm thụ của con	
Cha	Con	Cha	Con
Chánh nhất phẩm	Chánh lục phẩm, hàm Suất đội	Chánh nhất phẩm	Tòng lục phẩm, hàm Cấm binh chánh đội trưởng
Tòng nhất phẩm	Tòng lục phẩm, hàm Cấm binh chánh đội trưởng	Tòng nhất phẩm	Chánh nhất phẩm hàm Tinh binh Chánh đội trưởng
Chánh nhị phẩm	Chánh thất phẩm hàm Tinh binh Chánh đội trưởng	Chánh nhị phẩm	Tòng thất phẩm hàm Tinh binh đội trưởng
Tòng nhị phẩm	Tòng thất phẩm, hàm Tinh binh đội trưởng	Tòng nhị phẩm	Chánh bát phẩm, đội trưởng

suốt đời. Đối với trường hợp võ quan không có con, một người cháu của võ quan sẽ nhận được chế độ này²⁰.

Bên cạnh đó, triều đình vua Tự Đức ban hành một số ưu đãi đối với cha mẹ (ông bà) của binh lính, đặc biệt là binh lính trận vong. Năm Tự Đức thứ 18 (1865), vua đặt định lệ giảm trừ thời gian đi lính đối với bố và anh của những người chết trận không có con, em, cháu (gọi bằng chú, bác): nếu là lính thì trừ 4 năm, là đồng thì trừ 3 năm [11; tr. 955]. Năm Tự Đức thứ 25 (1872), triều đình cấp tiền cho ông bà, cha mẹ của binh đồng chết trận. Nếu thân nhân còn sống, mỗi tháng họ được cấp cho 1 quan tiền, 1 phượng gạo; đến khi những người này chết thì nhà nước ban cấp cho: bố mẹ được cấp tiền 5 quan nửa tấm vải, ông bà được cấp tiền 3 quan, nửa tấm vải [11; tr. 1357].

KẾT LUẬN

Từ những chính sách trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong dưới triều Tự Đức như đã trình bày trên đây, xin rút ra một vài nhận xét như sau:

Một là: Chính sách trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong của triều Tự Đức có sự khác biệt giữa hai giai đoạn trước và sau kháng chiến chống Pháp. Trước năm 1858, chế độ trợ cấp cho võ quan và binh lính trận thương hầu như kế thừa những chế định đã được ban hành dưới các triều vua trước, đặc biệt là triều Minh Mệnh. Sau năm 1858, khi Pháp xâm lược, bên cạnh duy trì những chế độ trợ cấp trước đó, vua Tự Đức thi hành nhiều chế độ trợ cấp ưu hậu hơn nhằm động viên tinh thần võ quan và binh lính, nhất là đối với những võ quan và binh lính trực tiếp tham gia chiến trường chống Pháp.

Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính giai đoạn này ngày càng hoàn thiện, tăng lên về định mức và mở

rộng về đối tượng. Một số chính sách được triều đình đặt thành định lệ, cụ thể hóa về đối tượng và định mức ban cấp cũng như vật phẩm kèm theo, trong đó tiêu chí dựa trên công trạng được đề cao có ý nghĩa động viên tinh thần rất lớn đối với binh lính trực tiếp tham gia chiến trường. Trong đó, cấp tuất được coi là chế độ trợ cấp quan trọng nhất. Dưới triều Tự Đức, nhất là sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra, định mức ban cấp được tăng lên đáng kể so với triều vua Gia Long và các vua kế tiếp. Đối tượng nhận được trợ cấp không chỉ có những binh sĩ trực tiếp tham gia chiến trường mà còn đối với cả thân nhân của họ, đặc biệt là những gia đình có mẹ già và con nhỏ.

Hai là: Chế độ trợ cấp của triều Nguyễn đối với binh sĩ tham gia trận mạc, những người có công với vương triều như bệnh binh, tử sĩ, cùng vợ góa, con cô của binh lính trận vong thực sự có ý nghĩa tích cực, phần nào đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho binh lính, từ đó xoa dịu nỗi đau, mất mát khi tham gia chiến trận, và thể hiện sự quan tâm của triều đình, đúng như lời Thượng dụ: “Các bậc đế vương dùng binh vốn là điều bất đắc dĩ, những người vâng mệnh triều đình ra sức chiến đấu ở chốn biên cương thật đáng thương”²¹. Theo Phan Huy Lê (2012) trong nghiên cứu *Tình hình khai mở dưới triều Nguyễn*, tác giả dẫn lời của Piere Pasquier cho biết dưới triều Nguyễn, 1 phượng bằng $\frac{1}{2}$ hộc bằng 13 thăng, mà 1 thăng bằng 2,932 lít, và hộc bằng 76,226 lít. Tác giả cân 1 lít gạo mùa nặng 880gr, từ đó kết luận, 1 phượng gạo bằng 38,113 lít gạo nặng khoảng 32,783 kg [22; tr. 61]. Đồng thời, theo Nguyễn Phan Quang và Đặng Huy Vận (1965), đương thời “một quan tiền cho ngang một phượng gạo” [23; tr. 21]. Với định lượng này, cùng số tiền tuất được ban cấp theo định lệ, võ quan trận vong (nhất là võ quan phẩm hàm cao) nhận được số gạo (quy ra từ tiền) tương đối lớn, trong khi đó tiền tuất của binh

lính (năm 1874) được cấp có thể mua được hơn 2,6 tạ gạo (8 quan x 32,783kg). Đối với võ quan và binh lính trận thương, võ quan được trợ cấp thấp nhất là 6 quan, tương đương 1,9 tạ gạo; trong khi binh lính thấp nhất là 2 quan, tương đương 65kg gạo. Con số này cho thấy về cơ bản đã giải quyết được lương thực trước mắt cho võ quan và binh lính trận thương, trận vong.

Ba là: Chế độ trợ cấp dành cho võ quan và binh lính trận thương, trận vong của vua Tự Đức thể hiện sự ưu cấp cho võ quan, đặc biệt là võ quan có phẩm hàm cao trong bộ máy quan lại. Những chính sách này có giá trị động viên tinh thần đối với người được ban cấp, đồng thời củng cố sự cảm mến của nhà nước quân chủ.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số T2023-08.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Nội dung bài viết là kết quả nghiên cứu của tác giả về một trong những chính sách đãi ngộ của triều Nguyễn trong quân đội với đối tượng cụ thể là võ quan và lính bị thương và hi sinh trong chiến trận. Bài viết nhằm cung cấp cho người đọc một phương diện tìm hiểu, đánh giá cụ thể về quân đội triều Nguyễn nói chung, những chính sách dành cho quân đội nói riêng trong thời gian cầm quyền của vua Tự Đức, đặc biệt là trong bối cảnh nước Đại Nam đối mặt với sự xâm lược của thực dân Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa; 2005. Tập V;.
2. Phan Huy Lê. Lịch sử chế độ phong kiến. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 1960. Tập 3;.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, Hoàng Văn Lâu, dịch. Đại Nam nhất thống chí. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động; 2012. Tập 1, 2;.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2007. Tập VIII;.
5. Hack K, Rettig T. Colonial Armies in Southeast Asia. New York: Routledge; 2006; Available from: <https://doi.org/10.4324/9780203414668>.
6. Nguyễn Quang Ngọc. Lịch sử Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2005. Tập 3;.
7. Nguyễn Minh Tường. Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam từ năm 938 đến năm 1884. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội; 2015;.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2007. Tập II;.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2007. Tập III;.
10. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội; 2009. Tập VII;.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2004. Tập VII;.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2004. Tập IV;.
13. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2007. Tập I;.
14. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa; 2005. Tập III;.
15. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2005. Tập III;.
16. Tờ 192, tập 111, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I;.
17. Tờ 122, tập 246, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I;.
18. Tờ 264, tập 216, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I;.
19. Võ Hương An. Từ điển nhà Nguyễn. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM; 2020;.
20. Tờ 34, tập 1, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I;.
21. Tờ 111, tập 218, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I;.
22. Phan Huy Lê. Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn. Nghiên cứu lịch sử. 1963;53;.
23. Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận. Tìm hiểu chế độ lao dịch và binh dịch dưới triều vua Gia Long. Nghiên cứu lịch sử. 1965;80;.

The compensation system for military officers and soldiers wounded or falling in battle during the reign of King Tự Đức (1847-1883)

Vu Thi Nga *

ABSTRACT

The reign of King Tự Đức (1847-1883) coincided with one of the most tumultuous periods in the nation's history. Not only did King Tự Đức have to suppress internal rebellions, but he also had to orchestrate a resistance against French colonial invasion. In this context, the strength of the military was of paramount importance for the national stability and independence. The establishment and maintenance of a robust army, along with the promulgation and enforcement of post-war policies, including various welfare ones for military officers and soldiers wounded or falling in battle, directly impacted these military officers and soldiers' material and spiritual lives.

The compensation system for military officers and soldiers wounded and falling in battle during the reign of King Tự Đức was implemented in the two distinct scenarios: before and during wartime. To boost the morale of the soldiers wounded or killed in battles, significant compensation adjustments were made, particularly after 1858, when the resistance against the French colonialists ignited. It was not just an expansion in the beneficiaries of the compensation, but also an increase in the amount provided compared to the previous period. In addition to the soldiers directly involved in combat, their family members (parents, spouses, and children) were also granted monetary support, especially military officers with great contributions in the resistance against the French.

Key words: Tự Đức, compensation, battle-wounded, fallen in battle

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Vu Thi Nga, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: vuthinga@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 19-10-2023
- Revised: 22-5-2024
- Accepted: 12-9-2024
- Published Online: 30-9-2024

DOI : <https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i3.954>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Nga V T. The compensation system for military officers and soldiers wounded or falling in battle during the reign of King Tự Đức (1847-1883). *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024, 8(3):2501-2510.